

Bản án số: 22/2017/HSST
Ngày 03/8/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Mai Sao và Bà Đào Minh Sở.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Huyền Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Duy Hưng, Kiểm sát viên.

Ngày 03/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự, thụ lý số 23/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2017/HSST-QĐ ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Vàng A Cu; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 06 tháng 4 năm 1989; Thường trú tại: Bản H, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Nguyên làm nghề trồng trọt; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Vàng A T (đã chết) và bà Tráng Thị S; Vợ Tráng Thị G; Con: 03 con, con lớn nhất 08 tuổi, con nhỏ nhất 01 tuổi. Tiền sự: Ngày 29 tháng 7 năm 2016, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tiền án: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/4/2017 đến nay. Có mặt.

- Người bị hại: Ông Sòng A V; Địa chỉ: Bản O, xã H, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Người phiên dịch: Ông Thào A C; Địa chỉ: Tiểu khu V, thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 08/4/2017, Vàng A C đi bộ từ nhà ở bản H sang nhà Sòng A V ở bản O, xã H để hỏi mua túy. Đến nhà V, C gọi vợ chồng V nhưng

không thấy có ai thừa, C ngó qua khe cửa nhìn vào nhà thì thấy có hai cháu nhỏ đang ngủ. Biết không có người lớn ở nhà C đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình Sông A V. C đi ra phía cửa chính dùng hai tay mở cánh cửa và đi vào nhà. Quan sát xung quanh, C phát hiện thấy có 01 chiếc hòm kim loại sơn màu xanh đang đặt trên giường nơi hai cháu nhỏ đang ngủ nên tiến lại gần, bê chiếc hòm đặt xuống đất rồi dùng tay trái ấn nắp hòm, tay phải cạy, giật chốt bản lề khóa và mở được chiếc hòm. Bên trong chiếc hòm có một số đồ dùng và 01 chiếc túi vải người Mông màu đen có hai ngăn kéo khóa, Vàng A C cầm chiếc túi mở khóa séc ngăn bên trong thấy bên trong có nhiều tiền không biết bao nhiêu, C lấy toàn bộ số tiền này đút vào túi quần bên phải đang mặc. Sau đó, C tiếp tục mở ngăn bên ngoài cũng thấy có nhiều tiền, C lấy toàn bộ số tiền này cho vào túi áo ngực bên trái đang mặc rồi bỏ chiếc túi vải vào hòm, đóng nắp lại như ban đầu và bỏ vào gầm giường. Sau khi lấy được tiền, Vàng A C đi về nhà, trên đường về C lấy số tiền vừa trộm cắp được trong túi áo ngực ra đếm có tổng cộng 2.700.000VNĐ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Về đến nhà C lấy toàn bộ số tiền 2.700.000VNĐ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) cất giấu vào khe hở của tấm Pro xi măng trên mái gian bếp của gia đình C. Sáng ngày 08/4/2017, C lấy số tiền trong túi quần ra đếm thấy có tổng cộng 7.300.000VNĐ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng), đếm xong C cất toàn bộ tiền vào túi quần bên phải đang mặc. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, C đi ra ngã ba C chơi, thì rơi mất số tiền để trong túi quần. Ngày 10/4/2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã H, Vàng A C đã khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản của ông Sông A V.

Vật chứng thu giữ gồm: 2.700.000VNĐ do gia đình bị cáo giao nộp; 01 chiếc hòm bằng kim loại sơn màu xanh, có kích thước 45cm, rộng 30cm, cao 18 cm, có hai quai xách bằng nhựa màu trắng, hòm đã qua sử dụng; 01 túi vải người Mông màu đen, kích thước dài 19cm, rộng 12 cm, có 02 khóa kéo và có dây đeo màu đen; 01 quả khóa loại TRI-CIRCLE; 02 chìa khóa loại TRI-CIRCLE đều đã qua sử dụng cũ và han gỉ.

Tại bản kết luận giám định số 290/KLGD ngày 20/4/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận số tiền 2.700.000VNĐ (hai triệu bảy trăm nghìn đồng) gửi giám định là tiền thật.

Tại phiên tòa bị cáo Vàng A C đã khai nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 10.000.000 VNĐ của Sông A V và nhất trí bồi thường toàn bộ thiệt hại cho anh V. Người bị hại Sông A V yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và đề nghị xin lại chiếc hòm, chiếc túi vải, quả khóa và chìa khóa bị Cơ quan điều tra thu giữ làm vật chứng.

Tại bản cáo trạng số 14/KSĐT-KT ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, truy tố bị cáo Vàng A C phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo theo nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điều 33 điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vàng A C mức án từ 9 - 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị tuyên trả lại cho người bị hại Sông A V số vật chứng gồm: 2.700.000VNĐ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng); 01 chiếc hòm bằng kim loại sơn màu xanh; 01 túi vải người Mông màu đen; 01 quả khóa loại TRI-CIRCLE và 02 chìa khóa loại TRI-CIRCLE. Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Sông A V 7.300.000VNĐ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo trình bày lời tự bào chữa: Nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B về hình phạt và trách nhiệm bồi thường dân sự, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức và am hiểu pháp luật hạn chế mong được giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật; về bồi thường dân sự: yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng) và xin nhận lại chiếc hòm sắt, một túi vải, một ống khóa, hai chìa khóa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai nhận tội tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung cáo trạng, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để khẳng định: Ngày 07/4/2017, lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của ông Sông A V, Vàng A C đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng) của anh Sông A V để chi tiêu cá nhân.

Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của ông Sông A V, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu làm ăn lương thiện, mắc vào tệ nạn xã hội (nghiện hút heroin), thích hưởng thụ bằng tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Vàng A C đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, tội

phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Vàng A C về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo Vàng A C: Bị cáo chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng, giá trị tài sản quy định trong khung hình phạt tại khoản 1, điều 138 Bộ luật hình sự có mức hình phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo có một tiền sự ngày 29 tháng 7 năm 2016, bị cáo đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã với thời hạn 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng bản thân, từ bỏ ma túy để trở thành công dân có ích mà còn tiếp tục chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn cơn nghiện. Do đó cần phải có một mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc mới bảo đảm tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế. Do đó bị cáo Vàng A C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, p, khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự.

Từ sự phân tích trên, Xét thấy luận tội của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 9 – 12 tháng tù là có phần nhẹ. Cần phải áp dụng một mức hình phạt nghiêm khắc hơn mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo là người nghiện và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

Bị cáo đang bị tạm giam cần tiếp tục tạm giam theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự. Thời gian tạm giam được tính vào thời gian thụ hình.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nguyên làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, điều kiện kinh tế còn khó khăn, là hộ nghèo. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đối với số tiền 2.700.000VNĐ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo chiếm đoạt của ông Sòng A V, qua giám định xác định là tiền thật cần trả lại cho người bị hại. Đối với số vật chứng còn lại gồm: 01 chiếc hòm bằng kim loại sơn màu xanh; 01 túi vải người Mông màu đen; 01 quả khóa loại TRI-CIRCLE; 02 chìa khóa loại TRI-CIRCLE đều đã qua sử dụng cũ và han

gi, là tài sản của người bị hại, người bị hại xin lại. Do đó cần áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 10.000.000 đồng, cơ quan điều tra đã thu hồi lại 2.700.000 đồng. Ông Sông A V yêu cầu được nhận lại số tiền cơ quan điều tra thu giữ và buộc bị cáo bồi thường tiếp số tiền 7.300.000 đồng là có căn cứ, cần áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, Điều 588 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Sông A V.

Về án phí, bị cáo thuộc diện hộ nghèo, theo Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 số 131/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện B cần xem xét miễn án phí cho bị cáo theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Vàng A C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Vàng A C 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày 12/4/2017 là ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng vụ án. Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; điểm b, khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho ông Sông A V số tài sản gồm: 2.700.000VNĐ (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng) là tiền bị cáo chiếm đoạt; 01 (một) chiếc hòm bằng kim loại sơn màu xanh, có kích thước 45 cm, rộng 30 cm, cao 18 cm, có hai quai xách bằng nhựa màu trắng, hòm đã qua sử dụng; 01 (một) túi vải người Mông màu đen, kích thước dài 19cm, rộng 12 cm, có 02 khóa kéo và có dây đeo màu đen; 01 (một) quả khóa loại TRI-CIRCLE; 02 (hai) chìa khóa loại TRI-CIRCLE đều đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và các Điều 584, 585, Điều 588 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Vàng A C phải bồi thường cho anh Sông A V tổng số tiền là 10.000.000 đồng , được trừ đi số tiền 2.700.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ làm vật chứng và trả lại cho bị hại, bị cáo phải bồi thường tiếp cho ông Sông A V số tiền là 7.300.000VNĐ (bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

Áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/8/2017).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La.
- VKSND huyện B.
- CA huyện B.
- Trại giam.
- Chi cục THADS huyện B.
- Bị cáo, người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Thái Văn Tùng

